

Bản án số: **45/2026/HNGĐ – ST**

Ngày: 11/6/2026

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Trần Thị Nhã Phương.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Y Yao Bkrông

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lương Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 11/6/2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 112/2026/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 27/5/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyệt kết hôn với ông Trần Văn H trên cơ sở tự nguyện có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã E vào năm 2015. Quá trình chung sống hai vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hòa giải được nên đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Vì vậy, bà N làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Trần Văn H.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Nhã Cát T, sinh ngày 15/03/2017 và Trần Văn T1, sinh ngày 26/12/2019. Nguyên vọng của bà N mong muốn được chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung. Không yêu cầu trợ cấp.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn ông Trần Văn H trình bày:*

Về hôn nhân: Ông H kết hôn với bà Trần Thị N trên cơ sở tự nguyện có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã E vào năm 2015. Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay bà N làm đơn xin ly hôn thì ông H đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Nhã Cát T, sinh ngày 15/03/2017 và Trần Văn T1, sinh ngày 26/12/2019. Ông H có nguyện vọng nuôi Trần Văn T1 đến tuổi trưởng thành và giao Trần Nhã Cát T cho bà N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Vì để đảm bảo quyền nuôi con, hiện tại ông H làm nghề xây dựng và có thu nhập ổn định.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắc Lắc tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị N cụ thể:

- + Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị N được ly hôn với ông Trần Văn H;
- + Về con chung: Giao cho bà Trần Thị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Nhã Cát T, sinh ngày 15/3/2017 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), giao cháu Trần Văn T1, sinh ngày 26/12/2019 cho ông H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở quyền này.
- + Về tài sản chung: Do không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xử lý trong vụ án này.
- + Bà N1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định được khấu trừ số tiền mà bà N1 đã nộp tại cơ quan thi hành án dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk giải quyết việc ly hôn, con chung đối với ông Trần Văn H, đơn khởi kiện của bà Trần Thị N được Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”, được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Trần Văn H tự nguyện về sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào năm 2015, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình sống chung hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không thể hàn gắn được nên hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Vì vậy, bà N đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Hơn nữa, ông H cũng đã đồng ý ly hôn với bà N. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N. Cho bà Trần Thị N được ly hôn với ông Trần Văn H.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị N và ông Trần Văn H có 02 con chung là Trần Nhã Cát T, sinh ngày 15/03/2017 và Trần Văn T1, sinh ngày 26/12/2019

Quá trình giải quyết vụ án, bà N có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung; ông H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T1 còn cháu T sẽ giao cho bà N nuôi dưỡng; cháu Trần Nhã Cát T và Trần Văn T1 trình bày đều có nguyện vọng ở cùng với mẹ Trần Thị N

Tuy nhiên, hiện nay bà N thường xuyên đi làm ăn xa. Xét nguyện vọng của ông H cho rằng ông làm nghề xây dựng và có thu nhập ổn định nên sẽ nuôi dưỡng Trần Văn T1 là phù hợp. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường về tâm, sinh lý, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung Trần Nhã Cát T, sinh ngày 15/03/2017 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Trần Văn T1, sinh ngày 26/12/2019 cho ông Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập

[3] Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, Điều 217, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 và Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N được ly hôn với ông Trần Văn H.

[2]. Về con chung:

+ Giao con chung Trần Nhã Cát T, sinh ngày 15/03/2017 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Giao con chung Trần Văn T1, sinh ngày 26/12/2019 cho ông Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Ông Trần Văn H và bà Trần Thị N được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông H và bà N không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp (do ông Trương Quốc C nộp thay) theo biên lai số 0003001, ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 7- Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhã Phương